

Bản án số: **16/2019/DS-ST**
Ngày: 21-6-2019
*“V/v Tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Dẫn
2. Bà Trần Thị Mộng Lành

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2019/QĐST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trương Hồng L, sinh năm 1968 (có mặt);
Địa chỉ: ấp 5 B A, xã N, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.
2. *Bị đơn:* - Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1988 (vắng mặt);
- Chị Nguyễn Thị L2, sinh năm 1989;
Tên gọi khác: Thúy L2 (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: ấp 5 B B, xã N, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 03/12/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Hồng L trình bày và yêu cầu như sau:*

Vào ngày 22/5/2017 âl, bà có cho anh Nguyễn Quang T và chị Nguyễn Thị L2 (Thúy L2) vay 30.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 7%/ tháng, anh Nguyễn Quang T và chị Nguyễn Thị L2 trả lãi được 04 tháng tiền lãi, đến ngày 22/7/2018 anh Nguyễn Quang T và chị Nguyễn Thị L2 trả cho bà 5.000.000 đồng tiền vốn đến nay không trả nữa, bà đến đòi nhiều lần nhưng không trả. Nay bà yêu cầu anh Nguyễn Quang T và chị Nguyễn Thị L2 trả cho bà tiền vay vốn còn nợ là 25.000.000 đồng, yêu cầu trả mỗi tháng 2.000.000 đồng, bà không yêu cầu anh Nguyễn Quang T và chị Nguyễn Thị L2 trả lãi, ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Quang T trình bày như sau:*

Anh thừa nhận vào ngày 22/5/2017 âl, anh và vợ anh là chị Nguyễn Thị L2 (Thúy L2) có vay tiền của bà Trương Hồng L số tiền vốn gốc là 30.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 7%/ tháng, đến ngày 22/7/2018 vợ chồng anh trả cho bà Trương Hồng L được 5.000.000 đồng tiền vốn gốc đến nay không trả vốn lãi đồng nào nữa, vợ chồng anh còn nợ lại bà Trương Hồng L số tiền vay vốn gốc là 25.000.000 đồng. Nay anh đồng ý trả cho bà Trương Hồng L số tiền vợ chồng anh còn nợ bà Trương Thị L là 25.000.000 đồng, vợ chồng anh hẹn trả mỗi tháng 1.000.000 đồng, trả cho đến khi trả hết số tiền nợ nói trên, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị L2 (Thúy L2):* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng hợp lệ cho chị L2 nhưng chị L2 không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Hồng L nên Toà án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

** Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm:* Giấy chứng minh nhân dân Trương Hồng L, Sổ hộ khẩu gia đình hộ Trương Hồng L, đơn yêu cầu ngày 19/11/2018 của bà Trương Hồng L, Biên bản hòa giải ngày 24/11/2018, tờ vay mượn tiền ngày 22/7/2017 âl, đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của đương sự ngày 03/12/2018.

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn bà Trương Hồng L yêu cầu anh Nguyễn Quang T và chị Nguyễn Thị L2 (Thúy L2) trả cho bà tiền vay vốn gốc còn nợ là 25.000.000 đồng, trả mỗi tháng 2.000.000 đồng, trả cho đến khi hết số tiền nợ nói trên, bà không yêu cầu anh Nguyễn Quang T và chị Nguyễn Thị L2 trả lãi, ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn Quang T và chị Nguyễn Thị L2 (Thúy L2) vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Trương Hồng L yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Quang T và chị Nguyễn Thị L2 (Thúy L2) trả tiền vay còn nợ, bị đơn anh Nguyễn Quang T và chị Nguyễn Thị L2 có nơi cư trú ấp 5 B B, xã N, huyện A B, tỉnh Kiên Giang cho nên được xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng hợp lệ cho chị Nguyễn Thị L2 (Thúy L2) nhưng chị L2 không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì về yêu cầu khởi kiện của bà Trương Hồng L đối với chị nên Toà án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Nguyễn Quang T và chị Nguyễn Thị L2 nhưng chị Nguyễn Thị L2 vắng mặt lần thứ nhất nên hoãn phiên tòa. Đến phiên tòa lần thứ hai anh Nguyễn Quang T và chị Nguyễn Thị L2 vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Đồng thời, tại phiên tòa lần thứ hai bà Trương Hồng L không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Quang T và chị Nguyễn Thị L2 theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét về hợp đồng vay tài sản giữa bà Trương Hồng L và anh Nguyễn Quang T, chị Nguyễn Thị L2 (Thúy L2) được xác lập bằng văn (tờ vay mượn tiền ngày 22/7/2017 âl), thỏa thuận trả lãi 7%/ tháng, từ khi vay đến nay anh Nguyễn Quang T, chị Nguyễn Thị L2 trả chị bà Trương Hồng L được 5.000.000 đồng tiền vốn gốc, trong quá trình giải quyết vụ án bà Trương Hồng L và anh Nguyễn Quang T, chị Nguyễn Thị L2 không yêu cầu trả lãi và không yêu cầu gì khác là phù hợp theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

Xét khởi kiện của bà Trương Hồng L yêu cầu anh Nguyễn Quang T và chị Nguyễn Thị L2 (Thúy L2) trả cho bà số tiền vay vốn gốc còn nợ là 25.000.000 đồng, yêu cầu trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền nợ nói trên. Anh Nguyễn Quang T tự xác định anh và chị Nguyễn Thị L2 còn nợ bà

Trương Hồng L tiền vay vốn gốc là 25.000.000 đồng, anh hẹn trả mỗi tháng 1.000.000 đồng, trả cho đến khi hết số tiền nợ nói trên, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác. Hội đồng xét xử thấy rằng, giữa bà Trương Hồng L và anh Nguyễn Quang T thống nhất với nhau về số lượng tiền vay còn nợ là 25.000.000 đồng, là phù hợp với tờ vay mượn tiền giữa bà Trương Hồng L và chị Nguyễn Thị L2 (Thúy L2) ngày 22/5/2017. Đồng thời, chị Nguyễn Thị L2 (Thúy L2) không ý kiến gì đối với yêu cầu của bà Trương Hồng L là có thật và thuộc trường hợp đương sự thừa nhận hoặc không phản đối yêu cầu của bà Trương Hồng L đưa ra theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Hồng L, buộc anh Nguyễn Quang T và chị Nguyễn Thị L2 (Thúy L2) phải có nghĩa vụ trả cho bà Trương Hồng L số tiền vay vốn gốc còn nợ là 25.000.000 đồng theo quy định tại Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự.

Bà Trương Hồng L và anh Nguyễn Quang T, chị Nguyễn Thị L2 (Thúy L2) không yêu cầu trả lãi tiền vay và không yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc anh Nguyễn Quang T, chị Nguyễn Thị L2 (Thúy L2) phải có nghĩa vụ trả cho bà Trương Hồng L tiền vay vốn gốc còn nợ là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Quang T, chị Nguyễn Thị L2 (Thúy L2) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.250.000 đồng (25.000.000 đồng x 5%).

Bà Trương Hồng L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Trương Hồng L tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 750.000 đồng theo biên lai thu số 0005871 ngày 07 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án 21/6/2019. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSA,VP (Sang).

Trần Văn Thảo